

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST

Ngày : 13 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và bà Trần Thị Ngọc;

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện HT;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Cường-Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 11/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 08/4/2022 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 05/2022/TB-TA ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện HT đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T (Tên gọi khác: Tý), sinh ngày: 10/10/1988 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã TH, huyện HT, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1970;

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ, con: Không;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/5/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 74/2010/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2011.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn ĐT, xã TH, huyện HT, tỉnh BT (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Việt S, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn ĐH, xã TH, huyện HT, tỉnh BT (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/10/2021, Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988, trú tại: xã TH, huyện HT đến nhà anh Dương Quốc D, sinh năm: 1979 thuộc Thôn ĐT, xã TH, huyện HT chơi rồi ngủ lại qua đêm. Sáng ngày 08/10/2021, T thức dậy xuống phòng bếp nhà anh D chế mì gói ăn, lúc này khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T thấy trên nóc tủ lạnh ở phòng bếp có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A54 đang cắm sạc pin, anh D thì đang làm công việc phía sau nhà không có ai trong coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý đồ trên, T tới rút dây sạc, lấy điện thoại Oppo A54 cầm trên tay đi ra hướng cửa trước, khi đến phòng khách T gặp con gái của anh D là cháu Dương Châu Tường V (sinh ngày 15/10/2006) nên giờ điện thoại lên và nói “chú cầm điện thoại đi nha”, tưởng điện thoại của T nên V trả lời “dạ” mà không có phản ứng gì. Sau đó, T đến cửa hàng điện thoại di động của Trương Việt S (sinh năm: 1988) tại thôn ĐH, xã TH, huyện HT để cầm cố điện thoại trên. Khi đến nơi, T dùng điện thoại vừa trộm được gọi qua số điện thoại khác của anh D nói “cho em mượn điện thoại của anh để cầm nhé”, anh D trả lời không được nên T nói “nếu không được thì em cầm về”, lúc này, anh D không tìm thấy điện thoại Oppo A54 mới biết T đã lấy trộm. Tuy nhiên, T không đem điện thoại Oppo A54 về trả cho anh D mà vào hỏi cầm cố cho S với số tiền 1.000.000 đồng thì S đồng ý và lập giấy Khế ước và đưa cho T 1.000.000 đồng, khi nhận cầm cố thì S không biết điện thoại này do T trộm cắp mà có. Sau đó, T sử dụng số tiền này để chuộc lại điện thoại của mình đã cầm cố cho người khác trước đó rồi đem giấy Khế ước cầm đồ về đưa cho anh D xem thì anh D yêu cầu T chuộc lại điện thoại trả cho mình nhưng T không thực hiện mà đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng điện thoại của S hỏi cầm thêm 1.000.000 đồng đổi với điện thoại trên thì S đồng ý và sửa lại Khế ước cầm đồ từ 1.000.000 đồng thành 2.000.000 đồng rồi đưa tiền cho T. Sau đó, T đi đánh bạc thua hết số tiền này, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T tiếp tục đến hỏi S cầm cố thêm 500.000 đồng đổi với điện thoại trên nhưng S không đồng ý.

Sau nhiều lần yêu cầu T chuộc lại điện thoại trả cho mình nhưng T không thực hiện nên sáng ngày 10/10/2021, anh D đến Công an xã TH trình báo sự việc. Khi Công an xã TH mời lên làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời trả lại cho S số tiền 2.000.000 đồng, còn S giao nộp điện thoại Oppo A54 cho Công an giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐĐGTS ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện HT xác định thì điện thoại di động hiệu Oppo A54 tại thời điểm bị T chiếm đoạt có giá 2.733.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A54, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HT đã trả lại cho bị hại Dương Quốc D;

- 01 giấy Khế ước cầm đồ (được đưa vào hồ sơ vụ án);

Về phần dân sự: Anh Dương Quốc D và Trương Việt S không yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 10/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh BT truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung Cáo trạng đã truy tố, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Ý kiến của bị cáo: bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HT; thống nhất với nội dung và tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HT đã truy tố, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Dương Quốc D đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Việt S không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Sáng ngày 08/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn T lợi dụng trong nhà bếp của Dương Quốc D không có ai nên đã lén lút lấy 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Oppo A54 của D đang cắm sạc pin trên nóc tủ lạnh ở phòng bếp để cầm cố tại tiệm điện thoại S Hoàng với số tiền 2.000.000 đồng nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù có khả năng lao động nhưng vì tham lam nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Dương Quốc D là chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A54 trị giá 2.733.000 đồng, bị cáo thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện HT truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo từng bị kết án về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 74/2010/HSPT ngày 25/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị hại không chỉ quen biết với bị cáo mà còn cho bị cáo ngủ nhờ, ăn uống tại nhà bị hại và tin tưởng giao điện thoại cho bị cáo sử dụng chơi game. Lẽ ra, bị cáo phải biết ơn và trân trọng điều đó nhưng vì lòng tham, bị cáo lại lợi dụng sự thiếu phòng bị, tin tưởng của Dương Quốc D để chiếm đoạt tài sản của anh D đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng vào mục đích trái pháp luật. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nghĩ nên cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian mới đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Đã xử lý nên không xem xét giải quyết.

[6] Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và đương sự khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Công an huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Trọng